

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST

Ngày: 08/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH K**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Y Trinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nghiêm Đình Hiệu và Bà Y Thẩm

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh K.

***Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh K tham gia phiên tòa:*** Ông Khuất Thế Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Ủy ban nhân dân X, huyện Đ, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/HSST, ngày 02 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

**A T** (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 tại tỉnh K; Nơi cư trú: Thôn X, X, huyện Đ, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Giẻ Triêng; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A T, sinh năm 1941 và bà Y C, sinh năm 1943; Vợ là Y L, sinh năm 1983; Bị cáo có bốn người con; lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 27/7/2021, A T bị Hạt Kiểm lâm huyện Đăk Glei ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi phá rừng trái pháp luật, số tiền phạt là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), bị cáo chưa nộp tiền phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. (Có mặt tại phiên tòa).

- **Nguyên đơn dân sự:** Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh – Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Ngọc T – Giám đốc Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh (có mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Lê Hoàng C ; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn Đắk Xanh, thị trấn Đắk Glei, huyện Đ, tỉnh K (có mặt).

+ Anh Nguyễn Nhân Lâm; Sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn Đông Sông, thị trấn Đắk Glei, huyện Đ, tỉnh K (có mặt).

+ Anh A Trường K; Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn X, X, huyện Đ, tỉnh K (có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn B ; Sinh năm 1968; Địa chỉ: Xã Mường Hoong, huyện Đ, tỉnh K (có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 25/12/2021, A T (*Sinh năm: 1978; trú tại: Thôn X, X, huyện Đ, tỉnh K*) một mình mang theo một con dao rựa đi bộ đến lô 08, khoảnh 02, Tiểu khu 72 lâm phần ban quản lý (BQL) Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh quản lý, thuộc địa giới hành chính X, huyện Đ, tỉnh K chặt phá cây rừng để lấy đất làm nương rẫy. Khi đi tới nơi, A T sử dụng con dao rựa chặt phá cây rừng từ khoảng 09 giờ 00 đến khoảng 11 giờ thì nghỉ ngơi, ăn cơm; sau đó, A T tiếp tục chặt phá đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày rồi đi về nhà. Ngày 26/12/2021, A T tiếp tục một mình đi bộ đến địa điểm đã chặt phá ngày hôm trước và dùng con dao rựa mang theo chặt phá cây rừng trong khoảng thời gian như ngày hôm trước, rồi đi về nhà.

Ngày 09/01/2022, Trạm quản lý bảo vệ rừng (QLBVR) X (*Nay là Đội bảo vệ rừng X*), thuộc BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh tuần tra, kiểm tra rừng thì phát hiện một đám cây rừng bị chặt phá trái pháp luật tại lô 08, khoảnh 02, Tiểu khu 72 lâm phần BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh quản lý. Sau đó, Trạm QLBVR Xốp lập biên bản, báo cáo BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh. Ngày 11/01/2022, BQL Khu bảo tồn bàn giao hồ sơ vụ việc cho Hạt Kiểm lâm Đắk Glei thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 21/3/2022 của Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp kết luận: Diện tích rừng bị thiệt hại là 1.230,6m<sup>2</sup>

(Một nghìn hai trăm ba mươi sáu mét vuông). Tổng trữ lượng gỗ trên diện tích rừng bị thiệt hại là 1,473m<sup>3</sup> và không có sản lượng gỗ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 01/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: Không xác định giá trị thiệt hại môi trường rừng đối với 1.230,6m<sup>2</sup> diện tích rừng bị hủy hoại.

Tại cáo trạng số: 06/CT- VKS ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo A T về tội "*Hủy hoại rừng*" theo điểm d khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm d, khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên phạt bị cáo A T từ 14 đến 18 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn dân sự - ông Đinh Ngọc T yêu cầu bị cáo trồng lại rừng đối với diện tích rừng 1.230,6m<sup>2</sup> mà bị cáo đã chặt phá. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

- Về án phí: Bị cáo A T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn X, X, huyện Đ, tỉnh K là thôn đặc biệt khó khăn, thuộc diện miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên bị cáo được miễn số tiền: 200.000 đồng, án phí HSST.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa A T trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia A T tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra A T tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Trong hai ngày 25, 26/12/2021, A T đến rừng tự nhiên thuộc rừng đặc dụng tại lô 8, khoản 2 tiểu khu 72 lâm phần ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh quản lý, thuộc địa giới hành chính X, huyện Đ, tỉnh K sử dụng một con dao rựa để chặt phá cây rừng với diện tích 1.230,6m<sup>2</sup> mục đích để làm nương rẫy trồng lúa.

Hành vi của bị cáo A T đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Hủy hoại rừng”** quy định tại điểm d khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái, gây ra hậu quả nghiêm trọng khác đến đời sống xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật mà vẫn cố tình thực hiện, bị cáo đã từng phá rừng trái pháp luật với diện tích 146 m<sup>2</sup> (Một trăm bốn mươi sáu mét vuông) loại rừng tự nhiên, chức năng rừng đặc dụng, bị Hạt Kiểm lâm huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi phá rừng trái pháp luật, số tiền phạt là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*), bị cáo chưa nộp tiền phạt mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình đã gây ra. HĐXX nhận thấy, cần phải xử phạt bị cáo với một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt HĐXX căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 27/7/2021, bị cáo bị Hạt Kiểm lâm huyện Đắk Glei ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi phá rừng trái pháp luật, số tiền phạt là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), bị cáo chưa nộp tiền phạt.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo phá rừng để mục đích trồng lúa phát triển kinh tế gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung: HĐXX nhận thấy bị cáo làm nghề nông, là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn dân sự - ông Đinh Ngọc T yêu cầu bị cáo trồng lại rừng đối với diện tích rừng 1.230,6m<sup>2</sup> mà bị cáo đã chặt phá. Tại phiên tòa các bên thỏa thuận với nhau về trồng lại rừng, cụ thể: Về phía bị cáo có trách nhiệm trồng lại rừng; về phía nguyên đơn dân sự sẽ cung cấp cây giống, quy trình trồng rừng, thời gian thực hiện trong 4 năm từ khi trồng đến khi nghiệm thu đủ tiêu chuẩn trồng rừng; về kỹ thuật trồng, cách chăm sóc giao cho đội bảo vệ rừng Xốp hướng dẫn cho bị cáo và quản lý trong quá trình bị cáo trồng lại rừng. HĐXX nhận thấy sự thỏa thuận của các bên là phù hợp đúng theo quy định pháp luật, vì vậy ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn dân sự và bị cáo về trồng lại rừng, buộc bị cáo phải có trách nhiệm trồng lại và chăm sóc diện tích rừng đã chặt phá như hai bên đã thỏa thuận.

[7] Về án phí: Tại phiên tòa, bị cáo A T xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy bị cáo có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn X, X, huyện Đ, tỉnh K là thôn đặc biệt khó khăn, thuộc diện miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên bị cáo được miễn số tiền: 200.000 đồng, án phí HSST.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Tuyên bố:** Bị cáo A T đã phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

**Áp dụng:** Điều d, khoản 1, Điều 243, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt: Bị cáo A T 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

**Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn dân sự và bị cáo về trồng lại rừng, cụ thể: Về phía bị cáo có trách nhiệm trồng lại rừng; về phía nguyên đơn dân sự sẽ cung cấp cây giống, quy trình trồng rừng, thời gian thực hiện trong 4 năm từ khi trồng đến khi nghiệm thu đủ tiêu chuẩn trồng rừng; về kỹ thuật trồng, cách chăm sóc giao cho đội bảo vệ rừng Xốp hướng dẫn cho bị cáo và quản lý trong quá trình bị cáo trồng lại rừng. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm trồng lại, chăm sóc diện tích rừng 1.230,6m<sup>2</sup> mà bị cáo đã chặt phá rừng như hai bên đã thỏa thuận.

**Về án phí:** Tại phiên tòa, bị cáo A T xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy bị cáo A T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn X, X, huyện Đ, tỉnh K là thôn đặc biệt khó khăn, thuộc diện miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên bị cáo được miễn số tiền: 200.000 đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 8/9/2022).

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Y Trình**